TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày: 07-9-2018
V/v tranh chấp kiện đòi tiền cho vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tỵ

Bà Đồng Thị Thường

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp kiện đòi tiền cho vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐST - DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 và Thông báo về việc bổ sung người tham gia tố tụng, thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa, thay đổi Hội thẩm nhân dân và thay đổi Thư ký Tòa án số 110/2018/TB-TA ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H; nơi cư trú: Số 12, Đại lộ T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn C, nơi cư trú: Thôn D, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Chu Văn Đ2 (chồng bà H); nơi cư trú: Số 12, Đại lộ T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N (mẹ anh C); nơi cư trú: Thôn D, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do có quan hệ họ hàng với anh Đỗ Văn C nên ngày 19 tháng 7 năm 2012, anh C có đến nhà bà đặt vấn đề vay tiền của bà để trả nợ cho Ngân hàng, bà có cho anh Đỗ Văn C vay số tiền 250.000.000 đồng. Anh C nhận tiền và viết giấy vay nợ và thỏa thuận với bà sau 05 ngày kể từ ngày vay tiền, anh C sẽ trả cho bà toàn bộ số tiền đã vay.

Sau khi vay tiền của bà, ngay trong ngày 19 tháng 7 năm 2012, anh Đỗ Văn C đã trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng, từ đó đến nay bà đã nhiều lần yêu cầu anh C trả nợ cho bà số tiền còn lại, anh C cũng đã nhiều lần hứa sẽ trả tiền hoặc trả số tiền nợ cho bà bằng quyền sử dụng đất nhưng anh C không thực hiện.

Số tiền bà cho anh C vay là tài sản chung của bà và chồng là ông Chu Văn Đ2 nên bà đề nghị Tòa án buộc anh Đỗ Văn C phải trả cho vợ chồng bà số tiền còn lại là 245.000.000 đồng. Về việc anh C trình bày và xác nhận chỉ còn nợ bà số tiền 220.500.000 đồng do bà đã nhận của mẹ đẻ anh C là bà Nguyễn Thị N 05 chỉ vàng 9999 quy thành tiền là 24.500.000 đồng và mỗi tháng anh C sẽ trả cho bà số tiền 4.000.000 đồng hoặc anh C sẽ trả nợ cho bà bằng diện tích đất 80m^2 tại thôn D, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng, bà không chấp nhận. Vì bà xác nhận tuy bà có nhận của bà Nguyễn Thị N 05 chỉ vàng 9999, nhưng bà sẽ có trách nhiệm trả số vàng trên cho bà N. Việc vay nợ giữa bà và anh C không liên quan đến bà Nguyễn Thị N.

Theo Bản tự khai, bị đơn là anh Đỗ Văn C trình bày: Anh xác nhận có vay số tiền 250.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H vào ngày 19 tháng 7 năm 2012 mục đích để trả nợ cho Ngân hàng. Anh đã trả cho bà H số tiền 5.000.000 đồng, bà H có nhận của mẹ anh bà Nguyễn Thị N 05 chỉ vàng 9999 trị giá 4.900.000 đồng/chỉ = 24.500.000 đồng. Như vậy, mẹ anh đã trả thay cho anh số tiền 24.500.000 đồng. Nên anh xác nhận anh còn nợ bà H số tiền còn lại là 220.500.000 đồng và anh sẽ có trách nhiệm trả cho bà H số tiền trên. Nay do vì việc kinh doanh của anh đang gặp khó khăn nên anh sẽ trả dần cho bà H mỗi tháng 4.000.000 đồng; hoặc anh trả cho bà H số nợ trên bằng quyền sử dụng 80m^2 đất tại thôn D, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng, trị giá thửa đất là 200.000.000 đồng, số tiền 20.500.000 đồng còn lại anh sẽ trả ngay cho bà H sau khi bà H nhận đất.

Tại Bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn Đ2 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H, đề nghị Tòa án buộc anh Đỗ Văn C phải trả cho ông và bà H số tiền 245.000.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Đỗ Văn C, vào khoảng tháng 02 năm 2016, vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Chu Văn Đ2 có đến nhà bà và nhận của bà 05 chỉ vàng 9999. Nay bà đồng ý dùng số vàng trên để trả nợ cho khoản nợ của anh Đỗ Văn C đối với bà H, ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã không đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 305, khoản 1 Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Đỗ Văn C phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Chu Văn Đ2 số tiền 245.000.000 đồng. Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đối với giao dịch 05 chỉ vàng bà H nhận của bà N là giao dịch dân sự giữa bà H và bà N, nếu bà N có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn C vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp kiện đòi tiền cho vay nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Căn cứ lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn, căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã xác định vào ngày 19 tháng 7 năm 2012, bà Nguyễn Thị H có cho anh Đỗ Văn C vay số tiền 250.000.000 đồng. Anh C đã trả cho bà H 5.000.000 đồng. Như vậy, anh C còn nợ bà H số tiền 245.000.000 đồng.

Tại khoản 1, Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý...*". Theo quy định này thì việc bà Nguyễn Thị N là người thế nghĩa vụ và anh Đỗ Văn C là bên có nghĩa vụ có quan điểm bà N dùng 05 chỉ vàng 9999 bà H đã nhận của bà N để trả nợ thay cho khoản nợ của anh C nợ bà H không được bà H là bên có quyền đồng ý. Nên quan điểm của bà N và anh C về việc bà N trả nợ thay cho anh C không được Tòa án chấp nhận.

Tại khoản 1, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Theo quy định này thì việc anh C là bên vay có quan điểm anh sẽ trả dần số nợ cho bà H mỗi tháng 4.000.000 đồng hoặc trả bà H bằng quyền sử dụng diện tích 80m^2 đất ở tại thôn D, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng, nhưng bà H không đồng ý, nên quan điểm của anh C về việc anh trả nợ dần cho bà H và trả bằng nợ bà H bằng quyền sử dụng đất không được Tòa án chấp nhận.

Vì vậy, yêu cầu của bà H về việc đề nghị Tòa án buộc anh C có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền còn lại 245.000.000 đồng là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị N có thể khởi kiện bà Nguyễn Thị H về việc đòi lại 05 chỉ vàng bà H đã nhận của bà N bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Anh Đỗ Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được Tòa án chấp nhận để sung vào ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471; khoản 1, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 6, khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc anh Đỗ Văn C phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Chu Văn Đ2 số tiền 245.000.000 (Hai trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

2. Về án phí:

Anh Đỗ Văn C phải chịu 12.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền anh C phải trả bà H, ông Đ nêu trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn Đ2 có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự ;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Huế